



LUYỆN NGHE NÓI 1000 TỪ VỰNG TIẾNG ANH THÔNG DỤNG

CHỦ ĐỀ 27: SỞ THÍCH (HOBBIES)

Hoạt động



Activity

Nướng bánh



Baking

Múa ba lê



Ballet

Cờ vua



Chess



LIVEWORKSHEETS

Sưu tầm, thu thập



Collect

Nấu nướng



Cook

Nhảy múa



Dance

Câu cá



Fishing

Làm vườn



Gardening

Sở thích



Hobby

Đan len



Knitting

Thời gian rảnh



Leisure



Thời gian rảnh



Free time

Nghe nhạc



Listening to
music

Nhạc cụ



Musical
instrument

Đọc sách



Reading

Thư giãn



Relax

May vá



Sewing

Xem



Watching

LIVEWORKSHEETS